

Số: 46 /GPMT-UBND

Đắk Nông, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 15/CTNL ngày 10 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên Ngọc Thịnh - Đắk Nông về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cơ sở: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá bazan thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-STNMT ngày 19 tháng 11 năm 2024; Công văn số 3567/STMT-CCBVMT ngày 26 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH một thành viên Ngọc Thịnh - Đắk Nông; địa chỉ tại thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Công trình khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá bazan thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án/cơ sở: Công trình khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá bazan thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 6400384489, đăng ký lần đầu ngày 05/02/2018 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/02/2023 do Sở Kế hoạch và

đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp.

1.4. Mã số thuế: 6400384489.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến khoáng sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: tại Thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô: Tổng diện tích đất của cơ sở tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường là 19 ha (trong tổng số diện tích của cơ sở được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là 19 ha), bao gồm:

+ Diện tích moong khai thác là 15 ha (trong đó diện tích đã hoàn thành các thủ tục về đất đai là 6,05 ha);

+ Diện tích khu vực sân công nghiệp, các công trình phụ trợ là 2 ha;

+ Diện tích bãi thải là 2 ha;

- Công suất khai thác: 60.000 m³ đá nguyên khai/năm.

Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên Ngọc Thịnh - Đắk Nông

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện



pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

Giấy xác nhận số 1834/GXN-UBND ngày 07/11/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá bazan thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, công suất 60.000 m³ đá nguyên khai/năm” hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, CT;
- UBND huyện Krông Nô;
- CT TNHH MTV Ngọc Thịnh - Đắk Nông;
- Công thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(N).

4



Lê Trọng Yên

ĐẮK NÔNG

Phụ lục 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nấu ăn, tắm rửa và vệ sinh của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.
- Nguồn số 2: Nước tháo khô mỏ phát sinh tại moong khai thác.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải

- 01 dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên trong khu văn phòng mỏ, khoảng 0,75 m³/ngày đêm được thu gom, xử lý qua bể tự hoại và tự thấm tại giếng thấm bên trong khu vực văn phòng.
- 01 dòng nước mưa trong moong khai thác được thu gom vào hồ lắng dưới đáy moong, sau đó bơm tháo khô cưỡng bức ra suối phía Đông Bắc dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn số 01: Tự thấm.
- Nguồn số 02: Suối phía Đông Bắc của dự án.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Nguồn số 01:
 - + Tại ngăn cuối cùng của bể tự hoại.
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 425959, Y=1372113 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180⁰30', múi chiếu 3⁰).

- Nguồn số 02:

- + Nước trong moong khai thác được thu gom về hồ lắng dưới đáy moong, sau đó bơm tháo khô cưỡng bức về suối phía Đông Bắc của dự án.
- + Tọa độ vị trí xả nước thải: tọa độ: X = 427710 Y=1371933 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến gốc 108⁰30' múi chiếu 3⁰)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- + Dòng số 1: 0,75 m³/ngày đêm, tương đương 0,031m³/giờ.
- + Dòng số 2: 4.309 m³/ngày đêm, tương đương 179,54 m³/giờ.
- Phương thức xả nước thải dòng số 1: Tự thấm.
- Phương thức xả nước thải dòng số 2: bơm cưỡng bức.
- Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn, phụ thuộc vào chế độ bơm thoát nước mỏ.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $k_q=0,9$; $k_r=1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	45
3	TSS	mg/l	90
4	Sắt (Fe)	mg/l	4,5
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9
6	Tổng Coliforms	Vi khuẩn/100ml	5.000

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được lưu giữ tại bể tự hoại 3 ngăn nước thải lắng trong bể với thời gian dài đảm bảo hiệu suất lắng cao và sẽ chuyển qua ngăn lọc và thoát ra một phần theo cơ chế tự thấm phần bùn còn lại được hút bởi công ty xử lý chất thải sinh hoạt định kỳ hoặc khi đầy.

Nguồn số 2: Nước tháo khô mỏ được bơm cưỡng bức trực tiếp từ hố lắng bên trong moong khai thác lên trên mương hở thoát nước bằng đất, nước tháo khô mỏ được lắng cặn và các chất lơ lửng tại hố lắng, sau đó theo mương hở tự chảy và xả ra suối nhỏ phía Đông Bắc của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình: Nước tháo khô mỏ → hố lắng → Bơm thoát nước ra nguồn tiếp nhận (suối).

- Các công trình xử lý nước thải: 100 m ống dẫn nước D150; 01 hố lắng ngang: kết cấu bằng đất, kích thước mỗi hố 4m x 2m x 2m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống và kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hố lắng... phòng ngừa tắc nghẽn công trình thu gom, thoát nước vào ngày mưa.

- Trường hợp các công trình thu gom xử lý nước tháo khô mỏ (hồ lắng ngang) xảy ra sự cố chưa thể khắc phục ngay, thì nước tháo khô mỏ sẽ tạm thời lưu tại hồ thu nước tại đáy moong khai thác để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty TNHH một thành viên Ngọc Thịnh - Đắc Nông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh và vị trí tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động khai thác tại khu vực khai trường (hoạt động của máy móc, thiết bị, khai thác, vận chuyển, nổ mìn...).

- Nguồn số 2: Từ hoạt động của trạm nghiền sàng, phương tiện vận chuyển, xúc bốc.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Các nguồn phát sinh đều là nguồn phân tán hoặc di động thuộc khu vực dự án tại xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

2.1. Tiếng ồn:

- Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA, cụ thể như sau:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	≤ 70	55	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

- Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị khai thác, chế biến (tra dầu, mỡ, vệ sinh...) đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách; điều tiết lưu lượng xe và thời gian phù hợp.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. /.

Phụ lục 3:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46/GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	20
Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải	18 02 01	Rắn	19
Hộp mực in	08 02 04	Rắn	0,5
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	0,5
Khối lượng			40

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh như: Đất bóc tầng phủ các năm khai thác là 13.510 m³.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 4 kg/ngày tương đương 1.460 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy và dán nhãn.

- Diện tích kho lưu chứa: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu nhà kho có chiều cao 3 m, tường và mái lợp tôn, nền nhà kho đổ bê tông dày 20 cm và láng xi măng. Kho lưu chứa chất thải nguy hại có biển cảnh báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đất bóc tầng phủ dùng để tu sửa đường nội mỏ, san lấp mặt bằng trong mỏ, đắp đập hai bờ suối và tu sửa đường nội bộ. Khối lượng đất đá thải còn lại đổ trong moong khai thác để thực hiện phục hồi môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng chứa rác trong khu vực văn phòng và tự xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh bằng biện pháp chôn lấp trong khu vực dự án.

- Thiết kế, cấu tạo: 02 thùng rác 10 lít và 01 hố chôn lấp rác thải sinh hoạt có diện tích 10 m². Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn các chất thải rắn có thể tái sử dụng như: giấy, chai, lọ, bao bì, kim loại... sẽ được tập trung vào thùng rồi bán phế liệu. Chất thải hữu cơ dễ phân hủy sinh học chôn tại hố chôn lấp sẽ được rải một lớp đất mỏng phủ theo định kỳ 1 tuần/lần để tránh ruồi muỗi, mùi hôi phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 4:
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 46 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường là: 19 ha.

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường.

Thực hiện theo đúng nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường Công trình khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá bazan thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, công suất khai thác 60.000m³ đá nguyên khai/năm.

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông là: 1.337.155.000 đồng (Một tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Chủ dự án đã thực hiện 12 lần (trong tổng số 29 lần) ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông; số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là 670.882.938 đồng (Sáu trăm bảy mươi triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 666.272.062 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi hai đồng).

- Thực hiện ký quỹ như sau: Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 14/GP-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông; thời hạn khai thác: 24 năm 6 tháng.

+ Số lần ký quỹ còn lại: 22 lần.

+ Số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024) trong các năm tiếp theo là 39.192.474 đồng (Ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

+ Thời điểm ký quỹ: Không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông.

B. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 06/11/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và dự án cải tạo, phục hồi môi trường dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá bazan thôn Jók Du, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, công suất khai thác 60.000 m³ đá nguyên khai/năm, cụ thể như sau:

Tiếp tục thực hiện khai thác và chế biến đá trên phần diện tích còn lại (trừ diện tích đất sử dụng vào mục khác theo quy định) sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý về đất đai.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện giám sát, cảnh báo, đảm bảo an toàn đối với khu vực khai trường.

4. Đảm bảo các giàn phun sương, tưới nước tại các tổ hợp dây chuyền chế biến hoạt động hiệu quả và xuyên suốt, trồng cây với mật độ dày nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép./.